

Phiếu 1A.2/ĐTDN-CN

DN số:

## KẾT QUẢ SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP Năm 2013

*(Áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp có hoạt động công nghiệp,  
bao gồm cả các doanh nghiệp công nghiệp thực hiện phiếu 1A và phiếu 1B)*

Tên doanh nghiệp: .....

### I. Sản phẩm công nghiệp sản xuất và tiêu thụ năm 2013 (ghi toàn bộ sản phẩm sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp)

Tên sản phẩm	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng sản phẩm năm 2013 <i>(Chỉ tính các sản phẩm do DN sản xuất bằng nguyên vật liệu của DN và sản phẩm do DN gia công cho bên ngoài, không tính các sản phẩm do bên ngoài gia công cho DN)</i>						Tổng số	Giá trị nguyên vật liệu của người đặt hàng tương ứng với khối lượng sản phẩm gia công cho bên ngoài (cột 2) Triệu đồng		
			Khối lượng sản phẩm sản xuất		Khối lượng sản phẩm tồn kho		Trong đó: Sản phẩm gia công cho bên ngoài	Trong đó: Sản phẩm gia công bên ngoài				
			Tổng số	Trong đó: Sản phẩm gia công cho bên ngoài	Tổng số	Đầu năm					Cuối năm	Giá trị dịch vụ gia công sản phẩm cho bên ngoài
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1.												
2.												
3.												
4.												
<b>Tổng trị giá sản phẩm công nghiệp đã xuất kho tiêu thụ trong năm 2013:</b>											XXXXXX	

**II. Nguyên liệu nông sản doanh nghiệp sử dụng trong sản xuất và tồn kho năm 2013**

Loại nông sản được sử dụng làm nguyên liệu	Mã sản phẩm	Đơn vị tính	Khối lượng năm 2013 (chỉ tính các loại nông sản DN sử dụng để sản xuất sản phẩm của DN và sản phẩm do DN gia công cho bên ngoài, không tính các loại nông sản dùng làm nguyên liệu do bên ngoài gia công sản phẩm cho DN)			
			Nông sản dùng làm nguyên vật liệu sản xuất	Trong đó: nông sản	Tồn kho nông sản dùng làm nguyên vật liệu	
A	B	C	1	2	3	4
1. Gạo		Tấn				
2. Ngô		Tấn				
3. Sản (mỹ)		Tấn				
4. Chè		Tấn				
5. Cà Phê		Tấn				
6. Cá tra		Tấn				
7. Tôm sú		Tấn				
8. Thịt gia súc (trâu, bò)		Tấn				
9. Thịt lợn		Tấn				
10. Thịt gà		Tấn				
11. Trứng gia cầm (gà, vịt)		1000 quả				
....						

# GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU SỐ 1A.2/ĐTDN-CN KẾT QUẢ SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Kết quả hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp của trụ sở chính và các cơ sở trực thuộc có hoạt động công nghiệp do doanh nghiệp mẹ kê khai.

## **Câu 1. Sản phẩm công nghiệp sản xuất, tiêu thụ năm 2013**

*Cột A: Tên sản phẩm:* Ghi tên của tất cả các mặt hàng công nghiệp chủ yếu do DN sản xuất trong năm 2013.

*Cột B: Mã sản phẩm:* Điều tra viên của Cục Thống kê ghi và đánh mã theo danh mục sản phẩm công nghiệp

*Cột C: Đơn vị tính:* Ghi đơn vị tính tương ứng cho từng loại sản phẩm sản xuất đã ghi ở cột A theo đúng đơn vị tính quy định trong bảng danh mục sản phẩm công nghiệp áp dụng cho cuộc điều tra.

Cột A và C nếu do DN ghi thì điều tra viên phải kiểm tra chính lý theo đúng bảng danh mục sản phẩm quy định.

*Cột 1, 2, 3, 4, 5, 6:* Ghi số lượng sản phẩm thực tế DN đã sản xuất, tiêu thụ và tồn kho được kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và nhập kho trong năm 2013.

*Cột 7:* Ghi trị giá toàn bộ sản phẩm do DN đã tiêu thụ trong năm 2013 (không bao gồm thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tương ứng với khối lượng sản phẩm đã ghi ở cột 3) (triệu đồng).

*Cột 8:* Ghi giá trị dịch vụ gia công sản phẩm cho bên ngoài.

*Cột 9:* Giá trị nguyên vật liệu của người đặt hàng: Ghi giá trị nguyên vật liệu người đặt hàng tương ứng với khối lượng sản phẩm gia công cho bên ngoài của doanh nghiệp tương ứng ở cột 2 (khai thác Bên có TK 002 “Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công” (Giá trị vật tư hàng hóa xuất kho để gia công, chế biến)

*Lưu ý:* Sản phẩm sản xuất của DN là sản phẩm sản xuất tại DN, gồm: sản phẩm sản xuất từ nguyên, vật liệu của DN và sản phẩm làm gia công cho bên ngoài bằng nguyên, vật liệu do khách hàng đưa đến (không tính những sản phẩm do bên ngoài gia công cho doanh nghiệp).

## **II. Nguyên vật liệu nông sản doanh nghiệp sử dụng trong sản xuất và tồn kho năm 2013**

*Cột A: Loại nông sản được sử dụng làm nguyên vật liệu:* Ghi tên rõ của các loại nông sản chủ yếu mà DN sử dụng làm nguyên liệu để sản xuất trong năm 2013 như: thóc, gạo, ngô hạt, sắn (mỳ), cao su, chè, cà phê,...

*Cột B: Mã sản phẩm:* Điều tra viên của Cục Thống kê ghi và đánh mã theo danh mục ngành sản phẩm (VCPA 2010).

*Cột C: Đơn vị tính:* quy ước là Tấn.

Cột A và C nếu do DN ghi thì điều tra viên phải kiểm tra chính lý theo đúng bảng danh mục sản phẩm quy định.

*Cột 1, 2, 3, 4:* Ghi số lượng nông sản thực tế DN đã sử dụng để sản xuất và tồn kho trong năm 2013.

*Chú ý:* Thóc, gạo của các Công ty Lương thực thu mua về để xay sát, đánh bóng rồi đem xuất khẩu hoặc bán tiêu dùng trong nội địa không được tính, vì thông tin liên quan đến xuất khẩu thóc, gạo được thu thập từ Hải Quan, tiêu dùng sản phẩm gạo đã được thu thập từ Điều tra mức sống dân cư, Điều tra dinh dưỡng quốc gia (mức tiêu thụ bình quân đầu người). Mặt khác, thì các Công ty lương thực thu mua nguyên liệu thóc, hoặc gạo về xay sát, đánh bóng không làm thay đổi hình thái ban đầu của nông sản. Tương tự, sản phẩm cao su sơ chế (mủ cao su được các công ty sơ chế thành các tảng, miếng cao su rồi đem xuất khẩu, hoặc bán trong nước cho các nhà máy làm săm, lốp,...) cũng không được tính.